

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS-PT.
Ngày: 19-5-2020.
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Diệp**;
Bà **Nguyễn Thị Liên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Tiến** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 135/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2020/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn A**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 19 X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 19 X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (*Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019*). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 17 T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Huỳnh T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 17 T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người làm chứng: Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 255 T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Bùi Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh T trình bày: Vào ngày 09/6/2011 (âm lịch), bà Bùi Thị N có mượn của ông Võ Văn A số tiền 30.000.000 đồng, hẹn trong thời gian 05 tháng sẽ hoàn trả lại. Nhưng đến nay, bà N vẫn chưa trả cho ông A số tiền này. Nay, ông Võ Văn A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị N phải trả cho ông số tiền còn nợ 30.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Võ Văn A không có yêu cầu gì thêm.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị N trình bày: Bà có viết giấy mượn của ông Võ Văn A số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 09/6/2011 (âm lịch), nhưng thực chất là đưa cho người khác vay để ông A lấy tiền lãi. Sau đó, ông A nói cần tiền mua xe cho con nên bà đã trả cho ông A 30.000.000 đồng và tiền lãi 2.400.000 đồng. Một thời gian sau, ông A nói đã đủ tiền mua xe nên đưa lại cho bà 10.000.000 đồng để nhờ bà cho vay lấy lãi. Khi trả tiền cho ông A, do quá tin tưởng nên bà không yêu cầu ông A viết giấy nhận tiền, nhưng bà có nói ông A hủy giấy nợ thì ông A nói để đó ông hủy. Đến tháng 11/2011, khi bà bị bà Nguyễn Thị M chạy nợ số tiền lớn thì ông A có đến an ủi và hứa cho bà số tiền nợ còn lại. Sau đó, bà đi vào Thành phố Hồ Chí Minh để nuôi con bị bệnh và có nói với chồng bà là ông Huỳnh T nếu có tiền thì đem trả bớt cho mỗi người một ít, mong họ thông cảm. Sau đó, ông Huỳnh T có đem trả cho ông A số tiền 17.000.000 đồng, trừ qua số tiền bà nợ bà Trần Thị Thanh T (là vợ ông Võ Văn A) 15.000.000 đồng, còn thừa 2.000.000 đồng trừ qua số tiền 10.000.000 đồng bà nợ ông A. Do đó, hiện nay bà chỉ còn nợ ông A số tiền 8.000.000 đồng. Vì vậy, nay bà chỉ đồng ý trả cho ông Võ Văn A số tiền 8.000.000 đồng.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T trình bày: Ông không biết việc vợ chồng ông Võ Văn A và bà Trần Thị Thanh T đem tiền đến gửi cho vợ ông là bà Bùi Thị N để cho vay giúp lấy lãi. Sau vụ việc bà Nguyễn Thị M chạy nợ, bà N bị mất số tiền quá lớn nên bị suy sụp. Khi bà N vào Thành phố Hồ Chí Minh nuôi con bị bệnh thì có viết giấy để lại nói với ông nếu có mượn được tiền thì trả cho mỗi người một ít để khắc phục, mong họ thông cảm. Sau khi mượn được tiền, ông có đem đến nhà trả cho vợ chồng ông A 17.000.000 đồng, nhưng không nói vợ chồng ông A viết giấy nhận tiền vì là chỗ anh em. Sau khi trả tiền cho vợ chồng ông A thì ông có điện thoại nói cho bà N biết.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 135/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 463, 466 và

điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn A về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn bà Bùi Thị N.

Buộc bà Bùi Thị N phải trả cho ông Võ Văn A số tiền 30.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 09/6/2011 (*âm lịch*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Bùi Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N thì thấy:

[2.1] Bà Bùi Thị N cho rằng, nhiều lần bà nhận tiền của ông Võ Văn A với mục đích cho người khác vay để lấy lãi giúp ông A và những lần ông A đưa tiền, bà N đều có viết giấy biên nhận. Trong đó, lần cuối cùng ông Võ Văn A đưa cho bà N số tiền 30.000.000 đồng với mục đích cho vay lấy lãi là vào ngày 09/6/2011 (*âm lịch*) và bà N có viết “Giấy mượn tiền” giao cho ông A giữ. Ngược lại, ông Võ Văn A xác định ông chỉ cho bà Bùi Thị N mượn số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 09/6/2011 (*âm lịch*), hẹn 05 tháng sau sẽ trả lại nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Võ Văn A cung

cấp bản gốc “Giấy mượn tiền” ngày 09/6/2011 (*âm lịch*) và được bà N thừa nhận giấy này do chính bà viết. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vào ngày 09/6/2011 (*âm lịch*), bà Bùi Thị N có viết giấy mượn và nhận của ông Võ Văn A số tiền 30.000.000 đồng, hẹn 05 tháng sau sẽ trả lại.

[2.2] Đồng thời, bà Bùi Thị N còn khai rằng, sau khi ông Võ Văn A đưa cho bà số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 09/6/2011 (*âm lịch*) để bà cho người khác vay lấy lãi thì một thời gian sau ông A đã lấy lại toàn bộ số tiền này cùng với 2.400.000 đồng tiền lãi để đem về mua xe máy. Sau đó, ông A có đưa lại cho bà số tiền 10.000.000 đồng để nhờ bà cho vay lấy lãi. Riêng đối với số tiền 10.000.000 đồng này, bà đã nhờ chồng của bà là ông Huỳnh T trả cho ông A được 2.000.000 đồng, cùng với số tiền 15.000.000 đồng mà bà đã nợ của bà Trần Thị Thanh T (*vợ ông A*) trước đó; hiện nay, bà chỉ còn nợ ông Võ Văn A số tiền 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, những lời khai trên của bà N không được ông A thừa nhận và bà N cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Hơn nữa, tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/3/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đối với bà N (*trong hồ sơ giải quyết đơn tố cáo của bà Trần Thị Thanh T về việc bà Bùi Thị N lừa đảo chiếm đoạt tài sản*), bà N cũng không đề cập gì đến việc chồng của bà là ông Huỳnh T có trả cho vợ chồng ông A số tiền 17.000.000 đồng như bà đã khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm. Do đó, việc bà N cho rằng bà đã trả cho ông A số tiền 30.000.000 đồng và sau đó bà chỉ nhận lại của ông A số tiền 10.000.000 đồng, cũng như việc ông Huỳnh T đã trả cho ông A được số tiền 2.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Do bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả cho ông A số tiền 30.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 09/6/2011 (*âm lịch*) nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn A, buộc bà Bùi Thị N phải trả cho ông Võ Văn A số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị N cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tại phiên tòa, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 135/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 92, 147 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 275, 463, 466 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn A đối với bị đơn bà Bùi Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Bùi Thị N trả cho ông Võ Văn A số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 09/6/2011 (*âm lịch*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng. Hoàn trả cho ông Võ Văn A số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001188 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000012 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*19/5/2020*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo